TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠC SƠN** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 53/2025/QĐST-HNGĐ	*Lạc Sơn, ngày 22 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 71/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1992. Địa chỉ: xóm R, xã X, huyện L, Hòa Bình.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn Q, sinh năm 1984. Địa chỉ: xóm R, xã X, huyện L, Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Q như sau:

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Q thuận tình ly hôn;

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị Bùi Thị T và anh Bùi Văn Q có 03 con chung là cháu Bùi Thu H, sinh ngày 24/12/2015; cháu Bùi Thu Á, sinh ngày 23/7/2018 và cháu Bùi Khánh X, sinh ngày 01/8/2022. Vợ chồng ly hôn, hai bên thỏa thuận anh Bùi Văn Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung cho đến khi con chung 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Bùi Thị T chưa phải thực hiện cấp dưỡng nuôi

con sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung sau này, theo yêu cầu của người không trực tiếp nuôi con hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung: Không có.

2.4. Về công nợ chung: Không có.

2.5. Về án phí: Chị Bùi Thị T tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị Bùi Thị T đã nộp theo biên lai số 0002599 ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn. Hoàn trả lại chị Bùi Thị T 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân huyện Lạc Sơn;
- UBND xã Xuất Hoá (Theo đăng ký kết hôn số 18/2012 ngày 28/02/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Minh Giang

Vụ án số 71. Quyết định số 53 ngày 22/5/2025

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Tư và anh Bùi Văn Quang như sau:

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị Tư và anh Bùi Văn Quang thuận tình ly hôn;

2.2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị Bùi Thị Tư và anh Bùi Văn Quang có 03 con chung là cháu Bùi Thu Hạnh, sinh ngày 24/12/2015; cháu Bùi Thu Ánh, sinh ngày 23/7/2018 và cháu Bùi Khánh Xuân, sinh ngày 01/8/2022. Vợ chồng ly hôn, hai bên thỏa thuận anh Bùi Văn Quang được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả ba con chung cho đến khi con chung 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Bùi Thị Tư chưa phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Mẫu số 40-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN.....[1]

Số:...../...../QĐST-HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày..... tháng ..... năm .....

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số...../...../TLST/HNGĐ ngày.....tháng....năm....., giữa[2]:

.....
.....
.....
.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 55,..... của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…..tháng……năm …..

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày…. tháng..... năm ..... là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.
Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa [3]

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:[4]

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;

THẨM PHÁN

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).